TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13- 01- 2026
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực

2. Ông Trần Đăng Tuấn

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân khu vực 8- Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXX-ST ngày 11tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 63/2025/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Mai Thị P, sinh năm 1983

Đăng ký thường trú: thôn L, xã N, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ hiện nay: xóm Núi, khu Bồ Sơn, phường Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn M, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Mai Thị Phương trình B:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Nguyễn Văn Đ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 14/5/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận

đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh Đ đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay; chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh Đ. Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 25/10/2007 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 29/4/2015. Hiện nay con Đ1 đã đủ 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con T và không yêu cầu anh Đ phải góp cấp dưỡng nuôi con T. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Kết quả xác minh với cậu ruột của anh Đ là ông Nguyễn Văn T1 cung cấp: bố mẹ đẻ anh Đ đã ly thân và hiện tại không có mặt tại địa phương, còn anh Đ đang làm ăn tại miền N nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể. Anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông và ông cũng đã hòa giải cho chị P, anh Đ nhiều lần nhưng không thành. Anh Đ và chị P có 02 con chung: con Nguyễn Tiến Đ1 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng; đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Tiến T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị P. Về tài sản chung của anh Đ, chị P thì ông không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị P được ly hôn anh Đ; về quan hệ con chung: con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 25/10/2007 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng; giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 29/4/2015. Anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu; về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Mai Thị P xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ nơi cư trú tại xã Đ,

tỉnh Hưng Yên, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị P và anh Nguyễn Văn Đ xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay không quan tâm nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh Đ là phù hợp với các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 25/10/2007 đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị P xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 29/4/2015 và con T cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tiến T. Anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản: chị P không yêu cầu Toà án giải quyết; anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lên Tòa án làm việc nhưng vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu gì về tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Mai Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: xử giao cho chị Mai Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 29/4/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định. Anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Mai Thị P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001609 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Mai Thị P và anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, Hưng Yên;
- UBND xã Đồng Bằng, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng